TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ RIỀNG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12-02-2023
V/v: *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Duy Học
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Khách
Ông Nguyễn Duy Khải

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Duyên – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Giáp– Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 123/2022/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2022 v/v "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/02/2023 giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1994; (vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 4, phường T, thị xã P, tỉnh Bình Phước

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1993; (xin vắng mặt)

Cùng trú tại: Thôn 4, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà N và ông K tự nguyện tìm hiểu, yêu thương, chung sống với nhau và tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện P vào ngày 04/6/2017. Trong đời sống hôn nhân, cả hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Hiện hai người đã sống ly thân với nhau. Nhận thấy tình cảm hai vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với ông K.

- *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:* Trong quá trình chung sống, hai người có 01 đứa con chung là cháu Nguyễn Văn Bảo K, sinh ngày 02/01/2018.

Hiện cháu K đang ở với bà N. Khi ly hôn, bà Như yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K và yêu cầu ông K phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi cháu K trưởng thành.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn K trình bày: Về quan hệ hôn nhân như bà N trình bày là đúng nay ông thống nhất ly hôn với bà N.

Về con chung: đồng ý để bà N tiếp tục nuôi dưỡng con chung và đồng ý cấp dưỡng nuôi cong 2.000.000đ/tháng cho đến khi cháu K trưởng thành.

Về tài sản chung nợ chung: Chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa:

- *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.
- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn, nuôi con chung của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Xét thấy, đây là vụ kiện hôn nhân gia đình "Tranh chấp ly hôn" do nguyên đơn bà Nguyễn Thị N thực hiện quyền khởi kiện; bị đơn ông Nguyễn Văn K có nơi đăng ký thường trú tại thôn 4, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt nhưng đã có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Như và ông K tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện P vào ngày 14/6/202017. Xét thấy hôn nhân giữa bà N và ông K là tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc; tại thời điểm kết hôn cả hai đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình. Do đó, hôn nhân giữa bà N và ông K là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Căn cứ lời khai của bà N và lời khai của ông K thì trong quá trình chung sống, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, có nhiều mâu thuẫn, nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, hiện hai vợ chồng đã sống ly thân không còn ai quan tâm đến ai. Như vậy, có đủ căn cứ xác định, đời sống hôn nhân của vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, cả bà N và ông K đều không có giải pháp để khắc phục, cải thiện cuộc

sống vợ chồng dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Như.

- *Về con chung:* Trong quá trình chung sống, bà N và ông K có 01 đứa con chung là cháu Nguyễn Văn Bảo K, sinh ngày 02/01/2018. Hiện cháu K đang ở với bà N. Khi ly hôn, bà N yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K, ông K cũng đồng ý để chị N tiếp tục nuôi dưỡng cháu K. Căn cứ Điều 81, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu K, cần giao cháu K cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, do đó yêu cầu của bà N về phần này được chấp nhận.

- *Về cấp dưỡng:* Q úa trình giải quyết vụ án, ông K đồng ý cấp dưỡng nuôi con 2.000.000/ tháng cho đến khi trưởng thành, mức cấp dưỡng phù hợp với yêu cầu của bà N nên được Hội đồng xét xử ghi nhận,

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự chưa yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Bà N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 218; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 80, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Văn K

Quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông K chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:* Giao con chung Nguyễn Văn Bảo K, sinh ngày 02/01/2018 cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

- *Việc cấp dưỡng nuôi con chung:* Ông K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cháu Nguyễn Văn Bảo K 2.000.000đ/tháng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở. Các đương sự có quyền và nghĩa vụ khác đối với con chung theo quy định của của Luật Hôn nhân và gia đình.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi cần thiết bà N và ông K có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Do các đương sự chưa yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2/ Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà N phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015843, ngày 10/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

Ông Khổng phải nộp số tiền án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ.

3/ Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định./.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Phú Riềng;
- Chi cục THADS huyện Phú Riềng;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã Ký)

Đỗ Duy Học